

PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI BỘ CHỈ SỐ 766 TẠI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH (TÍNH ĐẾN NGÀY 30/01/2026)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiền độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	18	19,64	10	10	18	19,02	94,66	1
2	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	18	19,92	10	10	18	18,37	94,29	2
3	Sở Ngoại vụ	18	17,33	10	10	17,78	19,33	92,44	3
4	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	18	19,72	10	7,6	18	18,86	92,18	4
5	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đồng Nai	18	19,86	10	7,82	18	17,78	91,46	5
6	Sở Nội vụ	18	19,06	10	7,58	18	18,33	90,97	6
7	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai	18	19,68	10	7,26	18	18	90,94	7
8	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	18	18,94	10	7,62	18	17,76	90,32	8

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiến độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
9	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	18	18,67	10	7,27	18	18,34	90,28	9
10	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai	18	18,83	10	7	18	18,4	90,23	10
11	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	18	18,02	10	7	18	18	89,02	11
12	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	18	16,53	10	7,77	17,51	17,37	87,18	12
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	6,6	19,2	8,4	7	18	12,2	71,4	13

PHỤ LỤC II
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI BỘ CHỈ SỐ 766 TẠI CÁC XÃ, PHƯỜNG (TÍNH ĐẾN NGÀY 30/01/2026)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiến độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
1	UBND Phường Bình Phước	18	19,81	10	10	18	21,8	97,61	1
2	UBND Xã Phước Sơn	18	19,84	10	10	18	21,65	97,49	2
3	UBND Xã Tân Lợi	18	19,79	10	10	18	21,7	97,49	3
4	UBND phường Long Bình	18	19,96	10	10	18	21,43	97,39	4
5	UBND Phường Bình Long	18	19,95	10	10	18	21,39	97,34	5
6	UBND Xã Thuận Lợi	18	19,65	10	10	18	21,64	97,29	6
7	UBND phường Xuân Lập	18	19,76	10	10	18	21,52	97,28	7
8	UBND xã Xuân Thành	18	19,92	10	10	18	21,3	97,22	8
9	UBND Xã Nha Bích	18	19,66	10	10	18	21,51	97,17	9
10	UBND Xã Tân Quan	18	19,88	10	10	18	21,29	97,17	10
11	UBND Xã Bình Tân	18	19,78	10	10	18	21,38	97,16	11
12	UBND Xã Hưng Phước	18	19,72	10	10	18	21,32	97,04	12
13	UBND xã Xuân Đông	18	19,56	10	10	18	21,41	96,97	13

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiến độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
14	UBND Xã Tân Tiến	18	19,76	10	10	18	21,12	96,88	14
15	UBND xã Phước An	18	19,66	10	10	18	21,22	96,88	15
16	UBND Xã Đồng Tâm	18	19,93	10	10	18	20,93	96,86	16
17	UBND Phường Phước Long	18	19,85	10	10	18	20,98	96,83	17
18	UBND xã Phú Hòa	18	19,84	10	10	18	20,98	96,82	18
19	UBND phường Trảng Dài	18	19,57	10	10	18	21,2	96,77	19
20	UBND Xã Đồng Phú	18	19,63	10	10	18	21,12	96,75	20
21	UBND Xã Đa Kìa	18	19,86	10	10	18	20,87	96,73	21
22	UBND Xã Lộc Thạnh	18	19,53	10	10	18	21,18	96,71	22
23	UBND Phường Đồng Xoài	18	19,52	10	10	18	21,19	96,71	23
24	UBND Xã Lộc Thành	18	19,54	10	10	18	21,16	96,7	24
25	UBND xã Đại Phước	18	19,45	10	10	18	21,24	96,69	25
26	UBND xã Xuân Phú	18	19,49	10	10	18	21,18	96,67	26
27	UBND Xã Lộc Quang	18	19,88	10	10	18	20,76	96,64	27
28	UBND xã Phú Vinh	18	19,94	10	10	18	20,69	96,63	28

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiến độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
29	UBND xã Định Quán	18	19,68	10	10	18	20,9	96,58	29
30	UBND Xã Bom Bo	18	20	10	10	18	20,57	96,57	30
31	UBND Xã Thọ Sơn	18	20	10	10	18	20,54	96,54	31
32	UBND phường Trần Biên	18	19,66	10	10	18	20,85	96,51	32
33	UBND phường Tam Phước	18	19,36	10	10	18	21,12	96,48	33
34	UBND xã An Viễn	18	19,35	10	10	18	21,13	96,48	34
35	UBND Xã Đăk Ô	18	19,55	10	10	18	20,92	96,47	35
36	UBND phường Tân Triều	18	19,51	10	10	18	20,95	96,46	36
37	UBND xã Cẩm Mỹ	18	19,86	10	10	18	20,59	96,45	37
38	UBND xã Dầu Giây	18	19,61	10	10	18	20,83	96,44	38
39	UBND Xã Long Hà	18	19,87	10	10	18	20,56	96,43	39
40	UBND Xã Minh Đức	18	19,69	10	10	18	20,68	96,37	40
41	UBND Phường An Lộc	18	19,69	10	10	18	20,68	96,37	41
42	UBND phường Hàng Gòn	18	19,54	10	10	18	20,82	96,36	42
43	UBND Phường Phước Bình	18	19,88	10	10	18	20,46	96,34	43

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiến độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
44	UBND xã Tà Lài	18	19,85	10	10	18	20,42	96,27	44
45	UBND xã Bàu Hàm	18	19,45	10	10	18	20,8	96,25	45
46	UBND xã Đak Lua	18	19,74	10	10	18	20,45	96,19	46
47	UBND Phường Chơn Thành	18	19,83	10	10	18	20,33	96,16	47
48	UBND Xã Phú Riềng	18	19,86	10	10	18	20,25	96,11	48
49	UBND Xã Thiện Hưng	18	19,84	10	10	18	20,2	96,04	49
50	UBND xã La Ngà	18	19,93	10	10	18	20,09	96,02	50
51	UBND xã Trị An	18	19,51	10	10	18	20,47	95,98	51
52	UBND Xã Nghĩa Trung	18	19,86	10	8,6	18	21,52	95,98	52
53	UBND phường Bình Lộc	18	19,05	10	10	18	20,91	95,96	53
54	UBND Xã Tân Khai	18	19,77	10	10	18	20,16	95,93	54
55	UBND xã Trảng Bom	18	19,49	10	10	18	20,35	95,84	55
56	UBND Xã Lộc Ninh	18	19,71	10	8,41	18	21,58	95,7	56
57	UBND xã Phú Lâm	18	19,41	10	10	18	20,25	95,66	57
58	UBND Xã Bình Minh	18	19,75	10	8,45	18	21,43	95,63	58

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiến độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
59	UBND Xã Phú Trung	18	19,92	10	10	18	19,65	95,57	59
60	UBND xã Phú Lý	18	19,82	10	10	18	19,66	95,48	60
61	UBND xã Thống Nhất	18	19,38	10	10	18	20,09	95,47	61
62	UBND phường Long Hưng	18	19,86	10	8,46	18	20,99	95,31	62
63	UBND phường Bảo Vinh	18	19,58	10	8,4	18	21,27	95,25	63
64	UBND phường Tam Hiệp	18	19,6	10	8,6	18	21,04	95,24	64
65	UBND xã Tân An	18	19,77	10	8,53	18	20,93	95,23	65
66	UBND xã Xuân Định	18	18,73	10	10	18	20,49	95,22	66
67	UBND phường Hồ Nai	18	19,75	10	8,24	18	21,18	95,17	67
68	UBND xã Phước Thái	18	19,06	10	8,59	18	21,47	95,12	68
69	UBND xã Hưng Thịnh	18	19,89	10	8,42	18	20,76	95,07	69
70	UBND xã Gia Kiệm	18	19,11	10	10	18	19,87	94,98	70
71	UBND Xã Đak Nhau	18	17,9	10	10	17,97	21,11	94,98	71
72	UBND xã Sông Ray	18	19,66	10	8,3	18	20,99	94,95	72
73	UBND xã Thanh Sơn	18	18,46	10	10	18	20,42	94,88	73

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiến độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
74	UBND Xã Tân Hưng	18	18,99	10	10	18	19,75	94,74	74
75	UBND xã Nam Cát Tiên	18	19,34	10	8,58	18	20,61	94,53	75
76	UBND xã Bình An	18	19,6	10	8,4	18	20,47	94,47	76
77	UBND Phường Minh Hưng	18	19,53	10	8,5	18	20,26	94,29	77
78	UBND xã Xuân Quế	18	18,53	10	8,43	18	21,26	94,22	78
79	UBND xã Xuân Đường	18	19,06	10	8,57	18	20,53	94,16	79
80	UBND phường Biên Hòa	18	19,68	10	8,46	18	19,92	94,06	80
81	UBND phường Phước Tân	18	19,19	10	8,41	18	20,29	93,89	81
82	UBND xã Long Thành	18	19,22	10	8,39	18	20,23	93,84	82
83	UBND xã An Phước	18	19,21	10	7,85	18	20,73	93,79	83
84	UBND xã Xuân Hòa	18	18,57	10	8,29	18	20,9	93,76	84
85	UBND Xã Bù Đăng	18	19,16	10	8,62	18	19,94	93,72	85
86	UBND Xã Phú Nghĩa	18	19,48	10	8,44	18	19,75	93,67	86
87	UBND Xã Lộc Tấn	18	19,32	10	7,8	18	20,44	93,56	87
88	UBND Xã Bù Gia Mập	18	16,78	10	10	17,59	21,17	93,54	88

TT	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch (18 điểm)	Tiến độ giải quyết (20 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (12 điểm)	Thanh toán trực tuyến (10 điểm)	Mức độ hài lòng (18 điểm)	Số hóa hồ sơ (22 điểm)	Tổng điểm (30/01)	Xếp hạng
89	UBND xã Xuân Bắc	18	19,14	10	8,21	18	20,17	93,52	89
90	UBND xã Long Phước	18	17,63	10	8,46	17,88	21,42	93,39	90
91	UBND Xã Lộc Hưng	18	19,6	10	8,38	18	19,24	93,22	91
92	UBND xã Nhơn Trạch	18	18,91	10	8,46	18	19,73	93,1	92
93	UBND phường Long Khánh	18	19,29	10	7,76	18	20,05	93,1	93
94	UBND xã Xuân Lộc	18	17,74	10	8,1	17,91	21,29	93,04	94
95	UBND xã Tân Phú	18	16,85	10	7,75	17,62	19,39	89,61	95